

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 2**TỜ TRÌNH****Chính sách của dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ chính sách của dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

- Ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế. Một trong những mục tiêu của hội nhập quốc tế của Việt Nam tại Nghị quyết số 22-NQ/TW là nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tại khoản 2 mục III - Định hướng chủ yếu đã xác định “thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận...”.

Quan điểm hội nhập quốc tế là nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng, tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; củng cố và nâng cao vai trò trong cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Ngoài ra, cần chủ động và tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh mà nước ta là thành viên. Xây dựng và triển khai kế hoạch gia nhập các cơ chế đa phương khác; trong đó, có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn, như hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, kiểm soát phổ biến WMD, diễn tập chung và các hoạt động khác, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và góp phần đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 cũng nêu rõ: *“Tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”*.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có các định hướng quan trọng sau đây liên quan đến việc ban hành Luật Phòng, chống phổ biến WMD:

(1) Lây bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái;

(2) Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

(3) Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; trong đó, đề ra mục tiêu *“luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội”*. Phòng, chống phổ biến WMD là một trong những vấn đề quan trọng của đất nước và thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong đó có *“xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển ứng dụng công nghệ sinh học; ...bảo đảm an toàn sinh học”* và *“chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hoá học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”*.

- Nghị quyết số 59/NQ-TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đã đề ra các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn về hội nhập quốc tế; trong đó, có 02 nội dung liên quan đến việc ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, cụ thể:

(1) Hội nhập về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước.

(2) Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra nhiều định hướng cải cách lớn trong công tác xây dựng và thực thi pháp luật, nổi bật là 07 nhiệm vụ chiến lược, trong đó có nội dung *“Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế”*. Nhiệm vụ đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam, **để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý quốc tế**, định hình trật tự pháp lý quốc tế; tham gia tích cực vào việc xây dựng thể chế và pháp luật quốc tế; tận dụng hiệu quả, linh hoạt các lợi thế từ cam kết của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Cơ sở pháp lý

- Điều 12 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 khẳng định: *“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; ... tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”*.

Nguyên tắc tuân thủ điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên nêu trên của Hiến pháp đã được cụ thể hóa trong Luật Điều ước quốc tế, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhiều luật khác. Điều 6 Luật Điều ước quốc tế quy định: *“Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp”*; *“Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó”*. Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *“Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của*

văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật và không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên...”.

- Một số luật khác có liên quan như: Bộ luật Hình sự; Luật Phòng, chống khủng bố; Luật Tình trạng khẩn cấp; Luật Phòng thủ dân sự; Luật Quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; Luật Năng lượng nguyên tử; Luật Hóa chất; Luật Phòng, chống rửa tiền; Luật An toàn thực phẩm; Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Luật Thú y; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Quản lý ngoại thương; Luật Thương mại; Luật Doanh nghiệp; Luật Hải quan; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

- Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP của Chính phủ về phòng, chống phổ biến WMD. Trong đó giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành, địa phương có liên quan đánh giá sơ kết kết quả thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và kiến nghị xây dựng Luật về phòng, chống phổ biến WMD.

- Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến WMD. Trong đó, mục tiêu của Kế hoạch là: *“Triển khai thực hiện và hoàn thành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến WMD với Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF), sớm đưa Việt Nam ra khỏi Danh sách rà soát tăng cường (Danh sách xám) trên cơ sở bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia”*. Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng khung pháp lý về phòng, chống tài trợ phổ biến WMD.

2. Cơ sở thực tiễn

WMD là vũ khí có khả năng gây cho đối phương tổn thất lớn về sinh lực, phương tiện kỹ thuật, cơ sở kinh tế, quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái và gây tác động mạnh đến tâm lý, tinh thần của con người. WMD gồm vũ khí sinh học, vũ khí hóa học, vũ khí hạt nhân và vũ khí phóng xạ. WMD nếu không kiểm soát tốt có thể trở thành những vũ khí nguy hiểm cho những quốc gia có mục đích xấu, những kẻ khủng bố hoặc các chủ thể phi nhà nước khác. Đặc biệt, trong giai đoạn toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng như hiện nay, các công đoạn để tiếp cận công nghệ nghiên cứu, chế tạo WMD đều trở nên dễ dàng hơn.

Do tính chất đặc biệt nguy hiểm của WMD, nên Liên hợp quốc đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quốc tế để phòng, chống phổ biến các vũ khí đó như: Công ước vũ khí sinh học, Công ước vũ khí hóa học, Hiệp ước không phổ

biến vũ khí hạt nhân mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đã tham gia và cam kết thực hiện.

Ngày 28/4/2004, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành Nghị quyết 1540, trong đó yêu cầu các quốc gia thành viên Liên hợp quốc phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: Không được cung cấp bất kỳ hình thức hỗ trợ trực tiếp hay gián tiếp nào cho các chủ thể phi nhà nước đang tìm cách phát triển, thu nhận, chế tạo, sở hữu, vận chuyển, chuyển giao hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học và các phương tiện vận chuyển các vũ khí đó (Điều 1); ban hành và thực hiện các luật có hiệu lực thích hợp nhằm cấm các chủ thể phi nhà nước sản xuất, có được, sở hữu, phát triển, vận chuyển, chuyển giao hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học và phương tiện mang và phát tán các vũ khí đó (Điều 2) và thực hiện các biện pháp hiệu quả để kiểm soát trong nước nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học và các phương tiện mang và phát tán các vũ khí đó (Điều 3).

Nhiều nước trên thế giới đã cụ thể hóa các quy định của Nghị quyết số 1540 trong hệ thống văn bản pháp luật quốc gia về phòng, chống cả 3 loại vũ khí hóa học, sinh học, hạt nhân và kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng trong tất cả các hoạt động liên quan đến phổ biến WMD (sản xuất, có được, sở hữu, phát triển, vận chuyển, chuyển giao, sử dụng WMD). Đa số các quy định nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật về vũ khí sinh học (thực hiện Công ước vũ khí sinh học); luật về vũ khí hóa học (thực hiện Công ước vũ khí hóa học); luật về vũ khí hạt nhân (thực hiện các điều ước quốc tế về vũ khí hạt nhân); quy định về kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng (thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận đa phương về kiểm soát vật liệu, thiết bị, công nghệ có thể được sử dụng để thiết kế, phát triển, sản xuất, sử dụng WMD). Tại Đông Nam Á, nhiều quốc gia như Singapore¹, Malaysia², Thái Lan³, Campuchia⁴ đã ban hành các luật liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

Với tư cách là một thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã là thành viên của nhiều điều ước quốc tế liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD như: Nghị định thư về cấm sử dụng trong chiến tranh các loại hơi độc, hơi ngạt hoặc các loại tương tự khác, các phương tiện

¹ Luật Bảo vệ phóng xạ; Luật Chống khủng bố (chống lạm dụng vật liệu phóng xạ) 2017; Luật Vũ khí hóa học; Luật Vũ khí và chất nổ; Luật Độc tố và tác nhân sinh học; Luật Kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng; Luật Quản lý tiền tệ Singapore. Các văn bản này quy định chi tiết, đầy đủ các nội dung, hành vi liên quan đến phổ biến WMD, trách nhiệm của các cơ quan, thủ tục quản lý, xử phạt hành vi vi phạm trên tất cả các lĩnh vực liên quan đến phổ biến WMD.

² Luật Cấp phép năng lượng nguyên tử 1984; Luật Thi hành Công ước vũ khí hóa học 2005; Luật Vũ khí 1960; Luật Vũ khí tấn công và các hợp chất nổ, ăn mòn 1958; Luật Chất nổ 1957; Bộ luật hình sự (sửa đổi) 2017; Luật An toàn sinh học 2007; Luật Hải quan 1967; Luật Thương mại chiến lược 2007; Luật An ninh biên giới 2017; Luật Chống tài trợ khủng bố và rửa tiền 2001.

³ Luật Kiểm soát vũ khí; Luật Năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; Luật Các chất nguy hại; Luật Độc tố động vật và tác nhân gây bệnh; Luật Phòng, chống khủng bố và tài trợ phổ biến WMD; Luật Hải quan; Luật Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Luật Kiểm soát WMD và hàng hóa liên quan; Luật Kiểm soát vũ khí và vật liệu chiến tranh; Luật Phòng, chống rửa tiền.

⁴ Luật Quản lý vũ khí, chất nổ và đạn dược 2005; Luật Cấm vũ khí hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân 2009; Luật Chống khủng bố 2007; Luật Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố 2007; Luật Chống tài trợ phổ biến WMD 2020.

chiến tranh sinh học năm 1925; Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân năm 1963; Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân năm 1968; Công ước vũ khí sinh học năm 1972, Công ước về bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân năm 1979, Công ước vũ khí hóa học năm 1993, Công ước quốc tế về ngăn chặn hành vi khủng bố hạt nhân năm 2005.

Bên cạnh đó, vào tháng 5/2007, Việt Nam đã gia nhập và trở thành thành viên thứ 34 của Nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG). Với tư cách là thành viên của APG, Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ 40 Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF), trong đó có Khuyến nghị 7 “Trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến tài trợ phổ biến WMD” và thực hiện các nghĩa vụ thành viên của APG bao gồm tham gia vào chương trình đánh giá đa phương của APG.

Để thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các điều ước quốc tế, các thỏa thuận đa phương nêu trên, Việt Nam đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 và 2025; Luật Hóa chất năm 2007 và 2025; Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Luật Phòng bệnh năm 2025; Luật Hải quan năm 2014; Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022; Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến WMD; Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học. Trong đó, Nghị định số 81/2019/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên điều chỉnh trực tiếp, đầy đủ về phòng, chống phổ biến cả 4 loại vũ khí sinh học, hóa học, hạt nhân và phóng xạ.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP theo đề nghị của Bộ Quốc phòng là nỗ lực lớn của Việt Nam nhằm tạo khung pháp lý để thực hiện có hiệu quả các nghĩa vụ quốc gia về phòng, chống phổ biến WMD được quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và Nghị quyết 1540 của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

Trong quá trình thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP (giai đoạn 2019 - 2024), Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia đã tham mưu giúp Chính phủ và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ đúng quy định và hiệu quả. Qua đó, đã nâng cao nhận thức và kiến thức của bộ, ngành, địa phương và người dân về công tác phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực phòng ngừa, ứng phó tình huống phòng, chống phổ biến WMD. Đến nay, Việt Nam chưa để xảy ra bất cứ tình huống nào liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

Bên cạnh những kết quả rất quan trọng đã đạt được như đã nêu trên, việc thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP thời gian qua cũng còn một số tồn tại hạn chế nhất định cần phải khắc phục trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

- Nhận thức và sự hiểu biết về công tác phòng, chống phổ biến WMD trong các cơ quan, tổ chức và người dân còn hạn chế;

- Công tác phổ biến, truyền thông về phòng, chống phổ biến WMD có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu, làm cho một bộ phận cơ quan, tổ chức, nhân dân chưa nhận diện đầy đủ, chưa thực hiện tốt trách nhiệm trong giám sát, kiểm soát, đấu tranh, xử lý với WMD và các hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến WMD;

- Bộ luật Hình sự hiện hành chưa quy định hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến WMD là tội phạm; pháp luật chưa quy định đầy đủ về xử lý đối với các hành vi vi phạm trong phòng, chống phổ biến WMD làm cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm, hình thức, biện pháp xử lý; chưa có văn bản của cấp có thẩm quyền xác lập, quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ có nguy cơ được sử dụng vào mục đích phổ biến WMD (thường được gọi là hàng hóa lưỡng dụng), làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa, kiểm soát nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến WMD;

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó có các tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan trong thực hiện nghĩa vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD nói chung, nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu nói riêng còn bất cập;

- Việc trao đổi thông tin, phối hợp giữa các lực lượng chức năng thuộc bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ, thống nhất, đặc biệt là trong xử lý tình huống có hàng hóa, các tác nhân cần kiểm soát;

- Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động này ở các địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Chế độ, chính sách cho lực lượng thực hiện hoạt động phòng, chống phổ biến WMD chưa được quy định.

Các tồn tại, hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu là các nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, các nguyên nhân nằm ngoài Nghị định số 81/2019/NĐ-CP:

- Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến lĩnh vực sinh học và hóa học nhưng không có quy định về vũ khí sinh học hay vũ khí hóa học. Cụ thể, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP chỉ điều chỉnh các hóa chất độc theo Phụ lục của Công ước vũ khí hóa học và một số loại hóa chất liên quan, mà không điều chỉnh các vấn đề liên quan đến phổ biến vũ khí hoá học (nghiên cứu, sản xuất, chế tạo, tồn trữ, vận chuyển, sử dụng vũ khí hóa học); Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm chỉ điều chỉnh lĩnh vực lây nhiễm bởi các tác nhân gây bệnh mà không đề cập đến vũ khí sinh học hay tác nhân sinh học;

- Chưa có quy định cụ thể về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc thực hiện

nghĩa vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Chưa có văn bản của cấp có thẩm quyền xác lập, quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng có nguy cơ được sử dụng vào mục đích phổ biến WMD. Luật Thương mại, Luật Quản lý ngoại thương không có các quy định về các danh mục hàng hóa; Luật Hải quan chưa có quy định về quản lý, xử lý liên quan đến phổ biến WMD. Hiện nay mới chỉ có Nghị định số 259/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thương mại chiến lược; tuy nhiên, danh mục hàng hóa lưỡng dụng kèm theo Nghị định chưa được ban hành.

- Hiện nay, pháp luật chưa quy định đầy đủ về chế tài và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm trong phòng, chống phổ biến WMD. Bộ luật Hình sự hiện hành chưa quy định tội phổ biến, tài trợ phổ biến WMD và các tội danh khác trực tiếp liên quan đến lĩnh vực này.

Thứ hai, nguyên nhân từ Nghị định số 81/2019/NĐ-CP:

- Những vấn đề quan trọng mà Nghị định số 81/2019/NĐ-CP chưa quy định hoặc chưa quy định đầy đủ như kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng; thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ quy định về phòng, chống phổ biến WMD; chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia phòng, chống phổ biến WMD;

- Về hiệu lực thực tế của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP:

Nghị định số 81/2019/NĐ-CP là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên mang tính tổng hợp, điều chỉnh đầy đủ hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến cả 4 loại vũ khí sinh học, hóa học, hạt nhân, phóng xạ. Tuy nhiên, do Nghị định được ban hành sau các văn bản quy phạm pháp luật khác và là văn bản dưới luật nên không có khả năng bổ sung, điều chỉnh nhằm khắc phục lỗ hổng pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD của các văn bản khác có thứ bậc hiệu lực pháp lý cao hơn như Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Hóa chất, Luật Năng lượng nguyên tử hay các văn bản có thứ bậc hiệu lực pháp lý ngang hàng như nghị định. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và quy định của các luật có liên quan (như Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Hóa chất, Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố, Bộ luật hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính...) về cùng một vấn đề thì quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP sẽ không được áp dụng. Như vậy, có thể nói, Nghị định số 81/2019/NĐ-CP mới chỉ đáp ứng nhiều hơn về mặt hình thức nhưng tính thực thi trong thực tế còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn, chỉ là tiền đề để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD;

- Về mặt thẩm quyền: Khoản 3 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Chính phủ ban hành nghị định để quy định vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội...”. Nghị định số 81/2019/NĐ-CP đã được Chính phủ ban hành theo quy định này, do vậy, sau một thời gian thực hiện, cần phải sơ kết đánh giá việc thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP để nâng lên thành luật, nhằm bảo đảm tuân thủ theo đúng thẩm quyền của Quốc hội và nâng cao hiệu quả thực thi trên thực tế.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, để đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, khắc phục tồn tại, hạn chế của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP; các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD, qua đó giúp Việt Nam thực hiện tốt các nghĩa vụ phòng, chống phổ biến WMD theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và Nghị quyết số 1540 của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, việc xây dựng các chính sách về phòng, chống phổ biến WMD là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích

- Thề chế hóa đúng, đầy đủ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế, trong đó có chủ trương gia nhập các cơ chế đa phương về phòng, chống phổ biến WMD.

- Hoàn thiện khung pháp lý trong nước để Việt Nam thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nghĩa vụ về phòng, chống phổ biến WMD theo: Hiến chương Liên hợp quốc; Nghị quyết 1540 ngày 28/4/2004 của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc; Công ước vũ khí sinh học; Công ước vũ khí hóa học; Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân; các khuyến nghị của FATF và các điều ước quốc tế khác có liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hàng loạt mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên⁵.

⁵ Cụ thể:

1. Hiến chương Liên hợp Quốc (1945).
2. Nghị định thư về cấm sử dụng trong chiến tranh các loại hơi độc, hơi ngạt hoặc các loại tương tự khác, các phương tiện chiến tranh sinh học - Nghị định thư Geneva(1925).
3. Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân - NPT (1968).
4. Hiệp ước cấm đặt vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác dưới đáy biển, đáy đại dương và thềm lục địa (1971).
5. Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí sinh học và độc tố - BWC(1972).
6. Công ước bảo vệ an toàn vật liệu hạt nhân - CPPNM(1979).
7. Công ước cấm hoặc hạn chế sử dụng một số loại vũ khí có thể gây thương vong cao hoặc gây hậu quả bừa bãi (1980).
8. Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hóa học và tiêu hủy chúng - CWC (1993).
9. Sửa đổi Công ước về an toàn hạt nhân (1994).
10. Hiệp ước cấm thử hạt nhân toàn diện- CTBT (1996).
11. Công ước về trừng trị hành vi khủng bố bằng bom (1997).
12. Công ước về việc trừng trị hành vi tài trợ khủng bố (1999).
13. Nghị quyết 1540 ngày 28/4/2004
14. Công ước ASEAN về chống khủng bố (2007).

- Tạo môi trường quốc tế thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam tăng cường hợp tác về đầu tư, thương mại và công nghệ với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nền kinh tế lớn, thị trường quan trọng như Mỹ và Liên minh châu Âu.

2. Quan điểm

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.
- Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Các chính sách phải tạo nền tảng để thực hiện có hiệu quả các điều ước quốc tế liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hàng loạt mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Bảo đảm sự thống nhất với các luật khác có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.
- Kế thừa những quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP đã được thực tiễn kiểm nghiệm là phù hợp với nghĩa vụ phòng, chống WMD theo các điều ước quốc tế trong lĩnh vực này, Nghị quyết 1540 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và phù hợp điều kiện thực tế của Việt Nam.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi

Quy định về nguyên tắc, nội dung, biện pháp và lực lượng phòng, chống phổ biến WMD; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến WMD.

2. Đối tượng

Áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam và tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài sinh sống, học tập, lao động, công tác, hoạt động tại Việt Nam có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sau khi Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến WMD tổ chức tổng kết 6 năm (2019-2024) việc thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến WMD và đề xuất với Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026 để xây dựng Luật Phòng, chống phổ biến WMD.

2. Được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH 15 ngày 26/9/2025 về Chương trình lập pháp năm 2026, Thủ tướng Chính phủ đã phân công Bộ Quốc phòng chủ trì xây dựng dự án Luật Phòng, chống phổ biến WMD (Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025).

3. Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ trưởng BQP đã thành lập Tổ soạn thảo dự án Luật Phòng, chống phổ biến WMD (Quyết định số 6024/QĐ-BQP ngày 25/11/2025, thành viên Tổ soạn thảo gồm đại các cơ quan, đơn vị liên quan trong BQP và đại diện các bộ, ngành như: Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước...); Tổ soạn thảo đã ban hành kế hoạch soạn thảo (Kế hoạch số 7628/KH-TST ngày 25/11/2025) và tiến hành xây dựng Hồ sơ chính sách của Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị; lấy ý kiến thành viên Tổ soạn thảo; xin ý kiến các bộ, ngành, liên quan; tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách và thực hiện truyền thông chính sách trên Cổng Thông tin điện tử của BQP, Báo Quân đội nhân dân).

4. Bộ Quốc phòng đã tiếp thu, chỉnh lý dự thảo các văn bản trong Hồ sơ chính sách gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

5. Căn cứ Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh dự thảo Hồ sơ chính sách báo cáo Chính phủ xem xét, thông qua (có Hồ sơ kèm theo).

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

A. Mục tiêu chung

Ban hành Luật Phòng, chống phổ biến WMD nhằm hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, khả thi cho tổ chức, hoạt động và quản lý về phòng, chống phổ biến WMD; bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hoạt động phòng, chống phổ biến WMD đáp ứng tốt yêu cầu về quản lý hoạt động nghiên cứu, sản xuất, mua bán hàng hóa lưỡng dụng, tác nhân sinh học, hóa chất bảng, vật liệu hạt nhân và phóng xạ cho mục đích dân sự và quân sự phục vụ quốc phòng-an ninh trên cơ sở tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam, ngăn cấm việc sử dụng các mặt hàng này vào hoạt động phổ biến WMD; phát hiện và xử lý kịp thời các hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến WMD; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trong hoạt phòng, chống phổ biến WMD; tăng cường vị thế của Việt Nam trong quan hệ với các quốc gia, tổ chức quốc tế, tránh bị áp đặt các biện pháp trừng phạt, kiểm soát và bị hạn chế trong các giao dịch kinh tế, tài chính; xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với các điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về phòng, chống phổ biến WMD.

B. Mục tiêu, nội dung cụ thể của chính sách

1. Chính sách 1: Xây dựng khung pháp lý thống nhất về phòng, chống phổ biến WMD

1.1. Mục tiêu của chính sách

a) Thiết lập khung pháp lý thống nhất ở cấp luật để điều chỉnh toàn diện hoạt động phòng chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

b) Khắc phục tình trạng quy định pháp luật phân tán, hiệu lực pháp lý chưa cao; nâng cao tính thống nhất, minh bạch và khả thi của hệ thống pháp luật.

c) Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ phổ biến WMD.

d) Bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam theo điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

1.2. Nội dung của chính sách

a) Giải thích rõ các thuật ngữ chuyên môn liên quan trực tiếp đến WMD bao gồm: WMD, vũ khí sinh học, vũ khí hóa học, vũ khí hạt nhân, vũ khí phóng xạ, hàng hóa lưỡng dụng và một số hàng hóa khác.

b) Thiết lập cơ chế lưu trữ hồ sơ, bảo vệ bí mật và công tác thanh tra, kiểm tra chuyên biệt.

c) Xác định các danh mục hành vi bị nghiêm cấm để tạo ranh giới pháp lý rõ ràng.

1.3. Các giải pháp thực hiện chính sách

a) Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành, trọng tâm là Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và các văn bản có liên quan; không ban hành Luật Phòng, chống phổ biến WMD

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, do đó không phát sinh yêu cầu lập pháp mới. Tuy nhiên, phương án này tiếp tục duy trì tình trạng các quy định pháp luật phân tán, hiệu lực pháp lý chưa cao, thiếu tính ổn định và chưa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh toàn diện một lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm liên quan trực tiếp đến quốc phòng, an ninh quốc gia và hội nhập quốc tế.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không phát sinh chi phí lập pháp trong ngắn hạn nhưng tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội nếu xảy ra các sự cố liên quan đến phổ biến WMD hoặc nếu Việt Nam không đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế, Việt Nam có khả năng bị hạn chế trong việc tiếp cận các ưu đãi và chính sách về tín dụng, bị áp dụng các biện pháp trừng phạt về kinh tế khi không có cơ chế thực thi đầy đủ đối với các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

- Tác động về giới: Không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới. Tuy nhiên, do không nâng cao được hiệu quả phòng ngừa rủi ro xã hội, phương án giữ nguyên không tối ưu trong việc bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, yếu thế trong xã hội, bao gồm: phụ nữ, trẻ em trong các tình huống liên quan đến rủi ro về an ninh, môi trường.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới. Tuy nhiên, tình trạng chồng chéo, phân tán và thiếu thống nhất trong

các quy định quản lý hiện nay còn bất cập gây khó khăn cho cả cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

b) Giải pháp 2: Thiết lập khung pháp lý thống nhất ở cấp luật để điều chỉnh toàn diện, thống nhất lĩnh vực phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Góp phần tạo cơ sở pháp lý để khắc phục tình trạng các quy định hiện hành còn phân tán, được điều chỉnh chủ yếu bằng văn bản dưới luật, thiếu tính ổn định và chưa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh toàn diện đối với một lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia và nghĩa vụ quốc tế. Thông qua việc ban hành luật chuyên ngành, các quy định về nguyên tắc quản lý, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cũng như quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sẽ được hệ thống hóa, chuẩn hóa và thống nhất. Đồng thời, chính sách này tạo điều kiện nội luật hóa đầy đủ các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế của Việt Nam về không phổ biến và tài trợ phổ biến WMD, bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế. Qua đó, khung pháp lý thống nhất góp phần nâng cao tính minh bạch, tính khả thi và hiệu lực thi hành của pháp luật, tăng cường kỷ cương pháp luật và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Về kinh tế: Góp phần hình thành môi trường pháp lý ổn định, minh bạch và có khả năng dự báo, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến vật liệu, thiết bị, công nghệ lưỡng dụng và các ngành nghề có nguy cơ liên quan đến WMD. Việc quy định rõ ràng, thống nhất giúp giảm chi phí tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro pháp lý phát sinh do áp dụng các quy định chồng chéo, thiếu thống nhất như hiện nay.

+ Về xã hội: Có tác động tích cực trong việc phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe cộng đồng, môi trường sống và trật tự, an toàn xã hội. Chính sách góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng cường phối hợp liên ngành, qua đó bảo đảm an ninh, an toàn xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với vai trò quản lý, điều hành của nhà nước, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Tác động về giới: Xây dựng khung pháp lý thống nhất về phòng, chống phổ biến WMD không làm phát sinh sự phân biệt đối xử về giới, do các quy định của chính sách được xây dựng và áp dụng thống nhất đối với mọi tổ chức, cá nhân, không phân biệt giới tính. Tuy nhiên, xét về tác động gián tiếp, chính sách có tác động tích cực về giới, bởi việc phòng ngừa và kiểm soát hiệu quả các nguy cơ liên quan đến WMD góp phần giảm thiểu khả năng xảy ra các thảm họa an ninh, môi trường và y tế, những rủi ro thường tác động nặng nề hơn đến phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế. Do đó, chính sách phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới và phát triển bền vững.

- Tác động của thủ tục hành chính: Việc ban hành khung pháp lý thống nhất có thể dẫn đến việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và chuẩn hóa một số thủ tục hành chính liên quan đến quản lý, kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, nghiên cứu, sản xuất, lưu thông và sử dụng các vật liệu, thiết bị, công nghệ có nguy cơ liên quan đến WMD. Trong giai đoạn đầu, một số tổ chức, cá nhân có thể phát sinh nghĩa vụ kê khai, báo cáo hoặc xin cấp phép theo quy định mới. Tuy nhiên, về dài hạn, chính sách góp phần đơn giản hóa, minh bạch hóa và thống nhất thủ tục hành chính, thay thế tình trạng nhiều thủ tục phân tán, thiếu liên thông hiện nay. Việc xác định rõ thẩm quyền, trình tự, thời hạn giải quyết và trách nhiệm của cơ quan nhà nước sẽ giúp giảm chi phí tuân thủ, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2019/NĐ-CP theo hướng tiếp tục sử dụng nghị định là văn bản pháp lý điều chỉnh, quản lý về hoạt động phòng, chống phổ biến WMD, không ban hành luật

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này chỉ cho phép điều chỉnh trong phạm vi thẩm quyền của nghị định, không đủ cơ sở pháp lý để thiết lập khung pháp lý thống nhất ở cấp luật như yêu cầu của Chính sách 1.

Mặt khác, không thể quy định đầy đủ các nguyên tắc chung, cơ chế quản lý liên ngành và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan, hạn chế quyền con người, quyền công dân; tiếp tục duy trì trạng thái các quy định phân tán ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau; hạn chế khả năng nội luật hóa đầy đủ các điều ước quốc tế và Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc do giới hạn về hiệu lực pháp lý của nghị định.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Trong ngắn hạn, giải pháp này không làm phát sinh chi phí tuân thủ đối với Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, do không hình thành được khung pháp lý thống nhất, nguy cơ mất an ninh, an toàn xã hội và rủi ro bị lợi dụng trong các hoạt động hợp pháp khác vẫn tồn tại ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường phát triển bền vững; không tạo được nền tảng pháp lý ổn định, lâu dài cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế.

- Tác động về giới: Giải pháp này không có tác động về giới. Tuy nhiên, hiệu quả phòng ngừa rủi ro xã hội còn hạn chế nên không tạo được tác động tích cực gián tiếp đến bảo đảm an sinh và an toàn cho các nhóm xã hội.

- Tác động của thủ tục hành chính: Việc sửa đổi nghị định có thể điều chỉnh cục bộ một số thủ tục, không đủ điều kiện để chuẩn hóa, thống nhất và đơn giản hóa thủ tục hành chính trên phạm vi toàn quốc. Tiếp tục tồn tại tình trạng phân tán, áp dụng khác nhau giữa các lĩnh vực và cơ quan quản lý gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện.

1.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

a) Giải pháp lực chọn

Trên cơ sở đánh giá tổng thể các tác động nêu trên, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 là phù hợp và cần thiết.

b) Lý do lựa chọn

- Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có khung pháp lý thống nhất ở cấp luật để điều chỉnh toàn diện các hoạt động phòng, chống phổ biến WMD. Các quy định liên quan đang được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau thuộc các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, thương mại, hải quan, năng lượng nguyên tử, hóa chất, khoa học - công nghệ và phòng, chống rửa tiền, trong đó văn bản chuyên ngành là Nghị định số 81/2019/NĐ-CP.

- Việc điều chỉnh bằng văn bản dưới luật (Nghị định số 81/2019/NĐ-CP) dẫn đến hiệu lực pháp lý chưa cao, thiếu tính ổn định và khó bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện. Một số nội dung mang tính nguyên tắc, liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước; cơ chế phối hợp liên ngành và thực hiện nghĩa vụ quốc tế chưa được quy định ở cấp luật, gây khó khăn trong áp dụng và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn.

- Bên cạnh đó, trong bối cảnh xung đột vũ trang và nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến WMD ngày càng gia tăng với nhiều hình thức mới, phức tạp, việc thiếu một đạo luật chuyên ngành điều chỉnh lĩnh vực đặc thù làm hạn chế khả năng phòng ngừa và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, cũng như việc thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế của Việt Nam.

2. Chính sách 2: Quản lý, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến WMD

1.1. Mục tiêu của chính sách

a) Thiết lập cơ chế quản lý, kiểm soát thống nhất đối với các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến WMD, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

b) Nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

c) Bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, không gây cản trở không cần thiết đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

1.2. Nội dung của chính sách

a) Kiểm soát chặt chẽ các tác nhân sinh học, độc tố và hóa chất bảng.

b) Áp dụng các biện pháp kế toán và bảo vệ vật lý đối với vật liệu hạt nhân và nguồn phóng xạ

c) Kiểm soát biên giới và hàng hóa lưỡng dụng

1.3. Các giải pháp thực hiện chính sách

a) Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành và Nghị định số 81/2019/NĐ-CP, trong đó việc quản lý các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến WMD được giao cho các bộ, ngành theo chức năng quản lý chuyên ngành

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành nhưng tiếp tục duy trì tình trạng thiếu thống nhất, khó áp dụng trong thực tiễn và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nội luật hóa các điều ước quốc tế có liên quan.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Trong ngắn hạn, giải pháp này không làm phát sinh chi phí tuân thủ mới cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, về dài hạn, việc thiếu cơ chế quản lý rủi ro thống nhất có thể dẫn đến nguy cơ lợi dụng hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp cho mục đích phổ biến WMD gây hậu quả nghiêm trọng về an ninh, môi trường và kinh tế - xã hội.

- Tác động về giới: Không có tác động trực tiếp đến bình đẳng giới. Tuy nhiên, việc không kiểm soát hiệu quả các nguy cơ liên quan đến hóa chất, sinh học và bức xạ có thể ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và môi trường sống, tác động gián tiếp đến phụ nữ, trẻ em nhóm chịu ảnh hưởng lớn trong các sự cố về môi trường, y tế.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới, nhưng tiếp tục duy trì nhiều đầu mối quản lý, quy trình khác nhau gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ, đồng thời làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Giải pháp 2: Quy định cụ thể, thống nhất ở cấp luật về cơ chế quản lý, kiểm soát của nhà nước các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến WMD

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Có tác động trực tiếp đến việc hoàn thiện pháp luật theo hướng quản lý dựa trên rủi ro, phù hợp với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến WMD. Việc quy định thống nhất trong Luật các hoạt động có nguy cơ, danh mục kiểm soát, cơ chế cấp phép, giám sát và trách nhiệm tuân thủ của tổ chức, cá nhân sẽ khắc phục tình trạng các quy định hiện hành còn rời rạc, thiếu liên kết và chưa được thiết kế theo chu trình quản lý đầy đủ. Chính sách tạo cơ sở pháp lý để thiết lập cơ chế kiểm soát xuyên suốt, từ nghiên cứu, sản xuất đến lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu và chuyển giao công nghệ, qua đó nâng cao hiệu lực kiểm soát nhà nước và khả năng phát hiện sớm các nguy cơ bị lợi dụng cho mục đích phổ biến WMD.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Về kinh tế, trong giai đoạn đầu thực hiện, một số doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực nhạy cảm có thể phải gia tăng chi phí tuân thủ (chi phí xin cấp phép, báo cáo, điều chỉnh quy trình nội bộ...). Tuy nhiên, về lâu dài, việc quản lý

minh bạch, dựa trên rủi ro giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong tuân thủ pháp luật, giảm rủi ro pháp lý và tạo môi trường đầu tư ổn định, dự báo được.

+ Về xã hội, chính sách góp phần phòng ngừa các nguy cơ đe dọa an toàn cộng đồng và môi trường, đồng thời nâng cao năng lực của Nhà nước trong quản lý các hoạt động công nghệ cao, phức tạp, có tính lưỡng dụng, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học - công nghệ gắn với bảo đảm an ninh quốc gia.

- Tác động về giới: Không có tác động trực tiếp đến bình đẳng giới. Tuy nhiên, việc kiểm soát hiệu quả các nguy cơ liên quan đến WMD góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sống, mang lại lợi ích gián tiếp, bền vững cho cả nam và nữ, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em).

- Tác động của thủ tục hành chính: Có thể làm phát sinh hoặc điều chỉnh một số thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép, kiểm tra, giám sát và báo cáo. Tuy nhiên, các thủ tục này được thiết kế theo hướng quản lý có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng khác nhau theo mức độ rủi ro, qua đó hạn chế việc áp dụng thủ tục tràn lan, không cần thiết và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2019/NĐ-CP theo hướng bổ sung, làm rõ hơn phạm vi quản lý các hoạt động có nguy cơ, cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phòng chống phổ biến WMD; không ban hành luật

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chỉ cho phép điều chỉnh cục bộ trong phạm vi nghị định, không hình thành được cơ chế quản lý, kiểm soát rủi ro tổng thể và thống nhất. Không đủ cơ sở pháp lý để ban hành danh mục kiểm soát thống nhất hoặc cơ chế cấp phép xuyên suốt các khâu nghiên cứu, sản xuất, lưu thông, xuất nhập khẩu và chuyển giao công nghệ. Hạn chế việc nội luật hóa đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế theo các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về không phổ biến WMD.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không làm phát sinh chi phí tuân thủ lớn trong ngắn hạn. Tuy nhiên, việc thiếu cơ chế kiểm soát thống nhất làm gia tăng nguy cơ bị lợi dụng các hoạt động kinh tế, khoa học, công nghệ hợp pháp cho mục đích phổ biến WMD. Về dài hạn, có thể ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, uy tín quốc gia và phát triển bền vững.

- Tác động về giới: Không phát sinh tác động phân biệt giới. Tuy nhiên, do hiệu quả phòng ngừa rủi ro còn hạn chế, tác động tích cực gián tiếp đến bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sống về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chỉ có thể điều chỉnh, bổ sung thủ tục trong phạm vi từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành. Không khắc phục được tình trạng thủ tục hành chính phân tán, thiếu thống nhất, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện.

1.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

a) Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá tổng thể các tác động nêu trên, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 là phù hợp và cần thiết để đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, kiểm soát rủi ro phổ biến WMD trong bối cảnh mới.

b) Lý do lựa chọn

- Thực tiễn rà soát các văn bản pháp luật liên quan và thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP cho thấy, các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến WMD hiện đang được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau, thuộc các lĩnh vực chuyên ngành như: Quản lý hóa chất, sinh học, năng lượng nguyên tử, thương mại, xuất nhập khẩu, khoa học - công nghệ, phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, các quy định này còn mang tính phân tán, thiếu sự liên kết và chưa được thiết kế trên cơ sở tiếp cận rủi ro tổng thể. Đặc biệt, đối với các hàng hóa, vật liệu, thiết bị và công nghệ lưỡng dụng, tức là các đối tượng vừa có mục đích sử dụng dân sự, vừa có thể bị lợi dụng cho mục đích nghiên cứu, chế tạo, phát triển hoặc phổ biến WMD, pháp luật hiện hành chưa có danh mục kiểm soát thống nhất và cơ chế quản lý xuyên suốt từ khâu nghiên cứu, sản xuất, lưu thông đến xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển và chuyển giao công nghệ.

- Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ hóa học tiên tiến, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ tài chính, đã làm gia tăng nguy cơ lợi dụng các hoạt động hợp pháp để phục vụ mục đích phổ biến WMD và tài trợ phổ biến WMD. Trong khi đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc chia sẻ thông tin, đánh giá rủi ro và kiểm soát các hoạt động này còn chưa thực sự hiệu quả.

- Những hạn chế nêu trên đặt ra yêu cầu cần thiết phải xây dựng một chính sách mang tính hệ thống, tập trung vào quản lý, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ, trên cơ sở tiếp cận phòng ngừa, kiểm soát rủi ro từ sớm, từ xa.

3. Chính sách 3: Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thực hiện pháp luật và hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến WMD

1.1. Mục tiêu của chính sách

a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD.

b) Xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước.

c) Tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Việt Nam theo các điều ước quốc tế có liên quan.

1.2. Nội dung của chính sách

a) Quy định trách nhiệm và cơ chế thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, hợp tác quốc tế trong về phòng, chống WMD.

b) Quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc phòng, chống tài trợ phổ biến WMD và quản lý giao dịch đáng ngờ.

c) Trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương và nguồn lực bảo đảm cho công tác phòng, chống phổ biến WMD.

1.3. Các giải pháp thực hiện chính sách

a) Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật hiện hành, Nghị định số 81/2019/NĐ-CP về cơ chế tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế hiện hành

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không làm thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành, tiếp tục thực hiện các quy định về tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến WMD theo Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc duy trì cơ chế hiện hành không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật ở cấp luật.

Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy, các quy định hiện hành còn phân tán, chưa xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của từng cơ quan trong toàn bộ chu trình phòng, chống phổ biến WMD; thiếu cơ chế phối hợp liên ngành mang tính bắt buộc; chưa có quy định đầy đủ về giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Do đó, phương án này chưa khắc phục được các hạn chế, bất cập đã được chỉ ra trong báo cáo rà soát và báo cáo đánh giá tác động.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không phát sinh chi phí ngân sách mới trong ngắn hạn. Tuy nhiên, về dài hạn, việc không khắc phục được các bất cập trong tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế có thể dẫn đến những hệ quả tiêu cực về kinh tế - xã hội nếu xảy ra sự cố liên quan đến phổ biến WMD hoặc nếu Việt Nam bị đánh giá chưa đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới. Tuy nhiên, hiệu quả phòng ngừa thấp làm giảm khả năng bảo vệ môi trường sống an toàn cho các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó có trẻ em và phụ nữ.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh mới về thủ tục hành chính nhưng thiếu cơ chế phối hợp thống nhất, dẫn đến thực hiện kém hiệu quả, phụ thuộc vào nhiều cơ chế quản lý hành chính.

b) Giải pháp 2: Quy định đầy đủ, chi tiết ở cấp luật về cơ chế tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Có tác động quyết định đến khả năng thực thi hiệu quả của toàn bộ hệ thống pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD. Việc quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, cơ chế phối hợp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong luật giúp khắc phục tình trạng thiếu rõ ràng, thiếu ràng buộc pháp lý trong tổ chức thực hiện hiện nay. Luật hóa cơ chế hợp tác quốc tế tạo cơ sở pháp lý thống nhất để nội luật hóa đầy đủ các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của Việt Nam trong thực hiện các nghĩa vụ quốc tế.

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Về kinh tế, chính sách có thể làm phát sinh chi phí ngân sách cho đào tạo nhân lực, đầu tư trang thiết bị và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, đây là chi phí mang tính đầu tư phòng ngừa, giúp giảm thiểu nguy cơ xảy ra các sự cố nghiêm trọng có thể gây tổn thất rất lớn cho nền kinh tế và xã hội.

+ Về xã hội, chính sách góp phần củng cố an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, nâng cao niềm tin của xã hội vào năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước và bảo đảm lợi ích lâu dài của cộng đồng.

- Tác động về giới: Không phát sinh tác động về giới. Tuy nhiên, thông qua việc nâng cao mức độ an toàn xã hội và hiệu quả bảo vệ cộng đồng, chính sách mang lại lợi ích gián tiếp, bền vững cho cả nam và nữ, phù hợp với mục tiêu phát triển bao trùm.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không tạo ra các thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, cá nhân. Các quy định chủ yếu tập trung vào chuẩn hóa, minh bạch hóa quy trình phối hợp và tổ chức thực hiện giữa các cơ quan nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật mà không làm gia tăng gánh nặng hành chính.

c) Giải pháp 3: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2019/NĐ-CP theo hướng quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và nội dung hợp tác quốc tế; không ban hành quy định mới ở cấp luật.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc sửa đổi nghị định không đủ để xác lập rõ ràng, ổn định và có tính ràng buộc cao về trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp liên ngành; không đáp ứng yêu cầu nội luật hóa đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế theo các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về không phổ biến WMD; tiếp tục phụ thuộc vào cơ chế quản lý hành chính, thiếu tính pháp lý bền vững.

- Tác động về kinh tế - xã hội: Không làm phát sinh chi phí ngân sách mới trong ngắn hạn. Tuy nhiên, hiệu quả tổ chức thực hiện và hợp tác quốc tế không được cải thiện, tiềm ẩn nguy cơ bị đánh giá chưa đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế, ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế - xã hội về lâu dài.

- Tác động về giới: Không có tác động trực tiếp về giới. Việc nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật và hợp tác quốc tế chưa đạt kỳ vọng, nên tác động gián tiếp đến bảo đảm an toàn, an sinh xã hội cho các nhóm giới còn hạn chế.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không tạo được cơ sở pháp lý để chuẩn hóa, minh bạch hóa quy trình phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế. Các thủ tục tiếp tục thực hiện theo cơ chế hành chính hiện hành, thiếu tính thống nhất và ổn định.

1.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn là lý do lựa chọn

a) Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Trên cơ sở đánh giá tổng thể các tác động nêu trên, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 là phù hợp, cần thiết để đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật và hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến WMD trong tình hình mới.

b) Lý do lựa chọn

- Một trong những hạn chế lớn nhất hiện nay trong công tác phòng, chống phổ biến WMD là hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật chưa cao. Trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong một số trường hợp chưa được quy định rõ ràng; cơ chế phối hợp liên ngành còn thiếu tính ràng buộc; nguồn lực cho công tác này còn phân tán.

- Ngoài ra, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, cơ chế pháp lý cho hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này hiện còn thiếu thống nhất và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Giải pháp 2 được lựa chọn vì hiệu quả phòng, chống phổ biến WMD không chỉ phụ thuộc vào quy định của pháp luật mà còn phụ thuộc vào cơ chế phối hợp, cách thức tổ chức thực hiện. Do vậy, việc ban hành luật mới cho phép quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp liên ngành mang tính ràng buộc pháp lý, bảo đảm các quy định của pháp luật được thực hiện thống nhất, hiệu quả. Đồng thời tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam từ đó nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHÍNH SÁCH

Việc thi hành Luật Phòng, chống phổ biến WMD không làm phát sinh các nhu cầu lớn về tổ chức bộ máy và nguồn lực mới để thực hiện do có thể tận dụng được bộ máy và nguồn lực thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP đã có sẵn hiện nay tại các bộ, ngành, địa phương để thực hiện Luật sau khi được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành.

Mặc dù vậy, Luật Phòng, chống phổ biến WMD có nhiều quy định mới so với quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và có hiệu lực pháp lý cao hơn nên đòi hỏi một số nguồn lực nhất định để thực hiện, đó là quy định về cấp Giấy phép xuất khẩu, quá cảnh, chuyển tải, môi giới, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến hàng hóa lưỡng dụng. Tuy nhiên, nguồn lực này không lớn vì các cơ quan hữu quan như Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể sử dụng bộ máy cấp phép hiện nay để tổ chức cấp Giấy phép cho hàng hóa lưỡng dụng.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI DỰ ÁN LUẬT

Quốc hội thông qua dự án Luật Phòng, chống phổ biến WMD tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026). Cụ thể:

- Thời gian trình Chính phủ: Tháng 5/2026.
- Thời gian trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tháng 7/2026;
- Thời gian trình Quốc hội thông qua: Tháng 10/2026.

Trên đây là Tờ trình chính sách của Luật Phòng, chống phổ biến WMD, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của đảng, văn bản QPPL, Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; (3) Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Phòng, chống phổ biến WMD; (4) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (5) Dự thảo Đề cương chi tiết Luật Phòng, chống phổ biến WMD)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Đ/c TTMT - Thứ trưởng BQP;
- Đ/c Thứ trưởng Võ Minh Lương;
- Đ/c Thứ trưởng Nguyễn Văn Gấu;
- BTTM, TCCT;
- C20, C79;
- Binh chủng Hóa Học
- Lưu: VT, CPC.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang